

Bản án số: 37/2020/HS-PT
Ngày: 18-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Lê Quốc H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Quốc H, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 127/4, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc H, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1966; vợ: Trần Thị V, sinh năm 1989 (đã ly hôn); con: có 01 người con, sinh năm 2007; tiền án: có 02 tiền án: ngày 08/12/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 04 năm tù về “Tội cướp giật tài sản” theo Bản án số 209/2009/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 31/12/2012; ngày 16/9/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 05 năm tù về “Tội cướp giật tài sản” theo Bản án số 116/2014/HS-ST, chấp hành xong hình phạt ngày 21/10/2017; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/7/2019, Lê Quốc H đến khu vực bên xe tỉnh Long An mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng của một người không rõ lai lịch, địa chỉ. Sau khi mua ma túy Lê Quốc H về tỉnh Bến Tre, tối ngày 07/7/2019 Lê Quốc H gọi điện rủ Phạm Nhựt Tr, Nguyễn Minh T, Phạm Văn Q đến chài nuôi tôm của H ở ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre cùng nhau sử dụng ma túy. Đến 01 giờ 30 phút ngày 08/7/2019 Phạm Nhựt Tr, Nguyễn Minh T, Phạm Văn Q đến chài của H ngồi nói

chuyện thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ gói ma túy H đang cất giữ trong người.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói ny long được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu A);
- 01 (một) bình thủy tinh, hình bầu dục, cao 15cm, phía trên có một nắp đậy màu trắng, có gắn một ống nhựa màu trắng dài 05cm;
- 01 (một) cây quạt khò màu xám trắng, bằng kim loại có chiều dài 20cm.

Theo kết luận giám định số 87/2019/GĐMT ngày 10/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói ny long được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 0,3540 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 04/12/2019 bị cáo Lê Quốc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Quốc H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Quốc H 05 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/7/2019, tại chòi nuôi tôm của bị cáo Lê Quốc H ở ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; bị cáo Lê Quốc H đang cất giữ 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3540 gam trong túi quần phía trước bên phải để sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Với ý thức, hành vi, khối lượng chất ma túy đã tàng trữ trái phép và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 05 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và mặc dù đã có 02 lần bị kết án về tội xâm phạm sở hữu chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố ý tàng trữ trái phép 0,3540 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình cho bị cáo, xử phạt bị cáo 05 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo còn khai nhận trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác và Cơ quan có thẩm quyền đang xem xét xử lý bị cáo, điều đó đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình

phạt của bị cáo, giữ nguyên quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 05 (năm) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Quốc H phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện T (3b);
- Công an và VKSND huyện T (2b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- UBND xã Đ, huyện T (1b);
- Bị cáo;
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông